TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**

2. Ông **Trần Văn Quân**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Thạch Thị Minh Châu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:* Ông **Sơn Nhựt Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 2 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1991; (Vắng mặt có lý do).

HKTT: Ấp NH, xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Hoàng Q**, sinh năm 1986; (Vắng mặt, không có lý do).

Địa chỉ: Ấp NH, xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2017, các bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên hòa giải ngày 24/11/2017 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Về hôn nhân: Vào ngày 21/01/2015, chị N với anh Đặng Hoàng Q có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng đi Thành phố Hồ Chí Minh để

làm thuê, nhưng trong thời gian này anh Q không lo làm ăn mà suốt ngày chỉ biết ăn chơi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Hoàng Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với anh Đặng Hoàng Q; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị N khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ sau đây: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Mỹ N (bản photo công chứng); 01 sổ hộ khẩu do anh Đặng Hoàng Q làm chủ hộ (bản photo công chứng); 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính).

Đối với bị đơn anh Đặng Hoàng Q: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh Q không đến Tòa tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh Q được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đặng Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Đặng Hoàng Q.

2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Đặng Hoàng Q có đăng ký kết hôn với nhau là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn mà suốt ngày chỉ biết ăn chơi, uống rượu. Quá trình tố tụng chị Nương xác định giữa chị và anh Q không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống từ khi chị và anh Q ly thân với nhau cho đến nay, anh Q và chị không có liên lạc với nhau điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với anh Đặng Hoàng Q.

3. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Mỹ N khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh Q nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh Q có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị N thì anh Q được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị N.

Từ những nhận định trên chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ N, cho chị N được ly hôn với anh Đặng Hoàng Q.

2. *Về con chung:* Chị N khai không có nên Hội Đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N khai vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung. Do Tòa án không thể làm việc được với anh Q nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh Q có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị N thì anh Q được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị N.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011767 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí. Anh Đặng Hoàng Q không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TN;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thị Thu Hiền